TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:153/2017/HNGĐ-ST
Ngày 28-7-2017
V/v: "Ly hôn giữa chị L và anh D, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lại Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tiến Sử
2. Ông Đỗ Việt Hùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Xuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986

Địa chỉ: Xóm A, xã Hải T, huyện HH, tỉnh NĐ

2. Bị đơn: Anh Lại Văn D, sinh năm 1983

Địa chỉ: Xóm A, xã Hải T, huyện HH, tỉnh NĐ

Hiện nay đang chấp hành hình phạt tại trại giam số 6 – Bộ Công an

(Chị L, anh D vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 4 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L kết hôn với anh Lại Văn D trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 05-11-2003 tại UBND xã Hải Tân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ anh D ở xóm A, xã Hải T, huyện HH, tỉnh NĐ, vợ chồng đều làm ruộng. Vợ chồng vẫn hòa thuận hạnh phúc, thỉnh thoảng có xảy ra va chạm nhỏ, năm 2013 chị L đi làm công nhân may Sông Hồng, anh D đi

làm nghề điện nước, trong thời gian này anh D không lo tu trí làm ăn mà lại ăn chơi, cờ bạc dẫn đến nghiện ma túy, năm 2014 anh D đi mua bán ma túy bị bắt quả tang, hiện nay đang đi chấp hành hình phạt 7 năm 6 tháng tù tại trại gaim số 6, bộ Công an, thời gian gần đây gia đình anh D cho rằng chị L đã thay đổi, anh D đã điện thoại về chửi đuổi chị đi, khi chị đến nhà bố mẹ đẻ chơi, gia đình anh đã khóa cửa nhà riêng của vợ chồng chị không cho chị vào nhà nên giữa chị và bố mẹ đẻ anh D có xảy ra va chạm cãi chửi nhau. Từ tháng 3 năm 2017 chị L đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở cũng từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tình cảm ngày càng lạnh nhạt với nhau, từ tháng 11 năm 2016 chị L không đến thăm nom anh D nữa. Nay chị L xét thấy tình cảm giữa chị và anh D không còn, bản thân anh D không thay đổi tính nết lại cùng gia đình gây áp lực cho chị nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về quan hệ nuôi con: Vợ chồng có một con chung cháu Lại Thị Hồng Trà, sinh ngày 28-8-2009, hiện nay đang ở cùng chị L. Khi ly hôn nguyện vọng của chị L xin được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con vì anh D đang phải đi chấp hành hình phạt.

Về quan hệ chia tài sản và công nợ: Vợ chồng chị có một số tài sản chung, một số khoản công nợ chung nhưng do anh D đang đi chấp hành hình phạt tù nên chị không kê khai và không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Lại Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh D công nhận về thời gian tìm hiểu, thời gian kết hôn, quá trình chung sống đúng như chị L đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng vẫn làm ăn chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 anh D bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy, hiện nay anh D đang chấp hành án tại trại giam số 6, Bộ Công an tại tỉnh Nghệ An. Nay chị L xin ly hôn anh D nhất trí thuận tình ly hôn để giải phóng cho nhau.

Về quan hệ nuôi con: Anh Lại Văn D trình bày: Đúng là vợ chồng anh có một con chung họ tên và ngày tháng năm sinh của con đúng như chị L đã trình bày. Hiện nay con chung đang ở cùng với chị L. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng nuôi con anh D cũng nhất trí vì điều kiện anh đang chấp hành án.

Về quan hệ chia tài sản: Vợ chồng anh có hai ngôi nhà (một nhà cấp bốn, một nhà hai tầng) cùng một mảnh đất. Sau khi chấp hành án xong anh D và chị L sẽ tự thỏa thuận và phân chia tài sản nên anh cũng không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về phần tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên toà hôm nay, chị Nguyễn Thị L và anh Lại Văn D đã có đơn và lời khai xin được xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, chị L đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Lại Văn D đang đi chấp hành án đã có lời khai xin được vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh D.

[2] Chị Nguyễn Thị L và anh Lại Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 05-11-2003 tại UBND xã Hải Tân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Như vậy cuộc hôn nhân này là hợp pháp.

[3] Qua xem xét toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa hôm nay, xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lại Văn D là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống không hòa hợp nhau, anh D và gia đình anh không tin tưởng, có nghi ngờ chị L không chung thủy, vợ chồng có xảy ra xô sát tranh luận cãi nhau, từ tháng 11 năm 2016 cho đến nay vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, sinh lý và trách nhiệm với nhau được tám tháng.

[4] Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lại Văn D là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Vợ chồng chị Nguyễn Thị L và anh Lại Văn D có một con chung, cháu Lại Thị Hồng Trà, sinh ngày 28-8-2009. Khi ly hôn nguyện vọng của chị L xin được nuôi dưỡng chăm sóc con chung và không yêu cầu anh D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị L về việc nuôi dưỡng con chung thì thấy, cháu Trà đang do chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, còn anh D đang đi chấp hành án nên không có điều kiện nuôi con, bản thân anh D cũng nhất trí để con chung cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung cần tiếp tục giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với Điều 81,82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Do chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên nghĩa vụ cấp dưỡng không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung và công nợ: Theo lời khai của chị Nguyễn Thị L và anh Lại Văn D không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết nên khi giải quyết ly hôn về quan hệ chia tài sản và công nợ của chị L, anh D, Toà án không cần đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lại Văn D.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung Lại Thị Hồng Trà, sinh ngày 28-8-2009 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

2.2 Anh Lại Văn D không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị L mà có quyền chăm sóc, thăm nom con nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 08971 ngày 31-5-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu, chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo đối với bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự. Người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi gửi :
- TAND tỉnh Nam Định: (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện: (2 bản);
- Chi cục THADS huyện: (1 bản);
- UBND xã Hải Tân: (1 bản);
- Cấp cho đương sự: (2 bản);
- Lưu hồ sơ: (1 bản);
- Lưu văn phòng: (1 bản).